TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Sầm Thu Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Văn Tài - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N - sinh năm 1987;

Trú tại: SN 084, tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc L - Sinh năm 1985;

Trú tại: tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/3/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Ngọc L kết hôn năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, kê khai đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi kết hôn bà làm kế toán doanh nghiệp còn ông L ở nhà. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 02/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, mối quan hệ giữa mẹ chồng nàng dâu có nhiều bất đồng và giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Ngoài ra, ông L còn có quan hệ ngoài

hôn nhân. Trong thời gian mâu thuẫn hai vợ chồng có cãi vã và xảy ra xô xát. Hai vợ chồng đã ngồi nói chuyện với nhau và được hai bên gia đình hòa giải nhưng không mang lại kết quả. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Trong quá trình ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có một người con chung là Đoàn Thanh V, sinh ngày 11/6/2012. Hiện nay, con đang ở với bà. Đối với người con chung này, bà là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục bên cạnh sự giúp đỡ của mẹ đẻ ông L. Việc đưa đón cháu đi học cũng như đóng góp các khoản học phí đều do bà, ông L không có đóng góp gì.

Về điều kiện kinh tế, hiện bà đang làm kế toán doanh nghiệp tại Công ty khoáng sản thương mại T với mức lương 6.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà còn thu nhập thêm từ công việc tư vấn bất động sản tại địa bàn thành phố C cho Hợp tác xã K có trụ sở tại tổ Đoàn Kết, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (công việc này được chia hoa hồng theo mỗi bất động sản giao dịch thành công). Tổng thu nhập trung bình một tháng của bà khoảng 16.000.000 đồng.

Về chỗ ở, bà và cháu V hiện đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ bà tại số nhà 084, tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tại ngôi nhà này, có bố mẹ và các anh em trai bà cùng sinh sống và mẹ con bà được cả gia đình thống nhất cho ở tại căn phòng có diện tích 12 m^2 tại tầng 2 của ngôi nhà (theo biên bản họp gia đình về việc phân chia chỗ ở ngày 20/6/2018).

Bà có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, bà yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu V đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn như bà N trình bày là chính xác, ông không bổ sung gì thêm. Bà N cho rằng ông không có đóng góp về kinh tế trong cuộc sống hàng ngày là không đúng. Theo ông nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bà N có quan hệ ngoài hôn nhân. Ông thừa nhận trong quá trình mâu thuẫn giữa hai vợ chồng có xảy ra xô xát nhưng chỉ ở mức độ nhẹ. Tại phiên tòa, ông xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được và ông nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung này bởi ông có đủ điều kiện vật chất và ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ông đóng góp cổ phần và quản lý quán Cà phê giải khát 69S tại tổ 5, phường S, thành phố C với thu nhập bình quân từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn có thu nhập thêm từ công việc làm trần thạch cao, tuy nhiên công việc này không ổn định mà chỉ làm từ 10 đến 15 ngày trong một tháng với thu nhập bình quân một ngày là 200.000 đồng. Hiện ông cùng với mẹ đẻ ở nhà riêng tại tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao

Bằng. Đối với cháu V, thường ngày mẹ ông là người chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Việc đóng học phí của cháu tại trường cả hai vợ chồng ông đều có nghĩa vụ.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Đoàn Thanh V, với sự chứng kiến của bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L. Trong quá trình tiến hành lấy lời khai cháu V trình bày họ tên, mối quan hệ giữa cháu với các bên đương sự trong vụ án cũng như trường lớp cháu theo học. Khi Tòa án đưa ra các câu hỏi liên quan đến quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như nguyện vọng của cháu trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu không trả lời và giữ im lặng. Cháu V cũng không ký vào biên bản lấy lời khai của Tòa án. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của cháu V liên quan đến các nội dung của vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L là quan hệ hôn nhân hợp pháp; hai bên đương sự xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Cháu Đoàn Thanh V là con gái và đang trong độ tuổi đến trường; bà N có đầy đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L. Giao con chung là cháu Đoàn Thanh V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Đặng Thị N khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với ông Đoàn Ngọc L trú tại tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị N kết hôn với ông Đoàn Ngọc L năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố C. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, hai bên đương sự xác nhận mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được và hai bên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy bà N và ông L đã thống nhất được với nhau về việc ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận bà N và ông L thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L có 01 con chung là Đoàn Thiên V (giới tính: nữ) - sinh ngày 11/6/2012.

Đến thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đưa vụ án hôn nhân và gia đình giữa bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L ra xét xử thì cháu Đoàn Thanh V đã đủ tuổi để lấy lời khai liên quan đến nguyện vọng của cháu trong trường hợp bố mẹ ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, việc lấy lời khai của cháu V tại Tòa án vào ngày 19/7/2019 với sự chứng kiến của bố mẹ cháu đã không thể thực hiện được bởi cháu giữ im lặng không trả lời các câu hỏi mà Tòa án đưa ra liên quan đến nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án chỉ có thể xem xét đến điều kiện về kinh tế, chỗ ở cũng như những điều kiện khác để quyết định việc nuôi con của các bên đương sự.

Xét về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh thực tế của các bên đương sự: Hội đồng xét xử xét thấy tính chất và thu nhập từ công việc kế toán hiện nay của bà N là ổn định (mức lương chính 13.000.000 đồng/tháng tại hai đơn vị). Bà N hiện đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Như vậy, bà N có đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở ổn định.

Còn đối với ông L, tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng yêu cầu các bên đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản. Tuy nhiên, đến ngày phiên tòa được mở lần thứ hai ngày 16/9/2019 ông L mới cung cấp cho Tòa án 02 tập bảng kê bán hàng của quán Cà phê giải khát 69S; 01 Hợp đồng thuê nhà đất ngày 18/12/2018 và 01 Hợp đồng thuê đất ngày 01/9/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, những tài liệu, chứng cứ này không đủ cơ sở để chứng minh cho khả năng tài chính của ông L. Mặt khác, tính chất công việc ông L

đang thực hiện không đảm bảo về mặt thời gian để có thể quan tâm, chăm sóc cháu V một cách tốt nhất.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Đoàn Thanh V đang trong độ tuổi đến trường, cháu lại là con gái, sẽ có những sự thay đổi về tâm sinh lý nên giao cho bà N nuôi dưỡng sẽ ổn định hơn về tư tưởng, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị N và ông Đoàn Ngọc L.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Thiên V (giới tính: nữ) - sinh ngày 11/6/2012 cho bà Đặng Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; ông Đoàn Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đặng Thị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000399 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Đặng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Nguyễn Quỳnh Mai